|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN**  **CHI NHÁNH LONG AN**  **PGD …………………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……………, ngày …….. tháng ……năm …………* |

**TỜ TRÌNH ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH VÀ QUYẾT ĐỊNH NHẬN BẢO ĐẢM**

**(trường hợp không qua AMC/CTLK)**

**Kính trình: Ban lãnh đạo {bnbd}**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp thẩm quyền quyết định** | **Chi nhánh** | | | | | | | | | | | | | **Trụ sở chính** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| TPGD  TPBL  Giám đốc Chi nhánh | | | | | | | | | | | | | TP PDTD  Tổng Giám đốc  HĐTD TSC  HĐQT | | | | | | | | | | | | | | | | |
| CÁN BỘ QHKH | ...................................  Email:………………  SĐT:……………….. | | | | | | | | | | | | NGƯỜI KIỂM SOÁT | | | | | | | | | .......................................  Email:………………  SĐT:……………….. | | | | | | | | |
| **PHẦN I: THÔNG TIN KHÁCH HÀNG** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Tên khách hàng | | | | **{ten\_benvay1}**  **{ten\_benvay2}** | | | | | | | | | | | | | | | | | | CIF | | | | | | ........................... | | |
| * Giấy chứng nhận ĐKKD/GTTT | | | | | {gttt\_benvay1}  {gttt\_benvay2} | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Địa chỉ: {diachi\_benvay1}   {diachi\_benvay2} | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Nội dung cấp tín dụng đối với khách hàng | | | | | | | | | | * Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay: **{tong\_mucctdtoida\_bangdgts | number} đồng** * Biện pháp bảo đảm theo văn bản phê duyệt tín dụng: {bpbdtheopd} | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **BÊN BẢO ĐẢM** *(trường hợp Bên bảo đảm không phải là bên được cấp tín dụng)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Tên Bên bảo đảm | | **{ten\_bbd1}**  **{ten\_bbd2}** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | CIF | | | ....................... | |
| * Giấy chứng nhận ĐKKD (hoặc MST)/Hộ chiếu/GTTT | | | | | | | | | {gttt\_bbd1}  {gttt\_bbd2} | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Địa chỉ: {diachi\_bbd1}   {diachi\_bbd2} | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **PHẦN II: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH VÀ QUYẾT ĐỊNH/ĐỀ XUẤT CỦA CHI NHÁNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **Bên bảo đảm** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Có đủ năng lực pháp luật dân sự? | | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | Không | | | | | | | | | |
| * Người đại diện có đủ năng lực hành vi dân sự và đủ thẩm quyền ký Cam kết bảo lãnh/ Hợp đồng Bảo đảm? | | | | | | | | | | | | | Có, trường hợp uỷ quyền ghi rõ số văn bản........................ | | | | | | | | Không | | | | | | | | | |
| * Tài sản thuộc đồng sử dụng, đồng sở hữu tài sản | | | | | | | | | | | | | Không | | | | | | | | Có, mối quan hệ: | | | | | | | | | |
| 1. **Biện pháp bảo đảm** | | | | | Bảo đảm bằng bảo lãnh | | | | | | | | | | | | | Bảo đảm bằng tài sản | | | | | | | | | | | | |
| * 1. ***Bảo đảm bằng bảo lãnh*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * + 1. Bên bảo lãnh là TCPH thuộc danh mục TGĐ thông báo | | | | | | | | | | | | | | | | | | Có, cụ thể:  ........................ | | | | | | | | | Không | | | |
| * + 1. TCPH còn giới hạn nhận bảo đảm tại NHCT không? | | | | | | | | | | | | | | | | | | Còn | | | | | | | | | Không | | | |
| * + 1. Bên bảo lãnh cầm cố, thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ bảo lãnh? | | | | | | | | | | | | | | | | | | Có, tiếp tục trả lời các thông tin tại 2.2 | | | | | | | | | Không | | | |
| * Có khả năng tài chính để thực hiện nghĩa vụ trả thay? | | | | | | | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | Không | | | |
| * Cam kết chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả thay? | | | | | | | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | Không | | | |
| * + 1. Cam kết bảo lãnh *số…., ngày…..(nếu có)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | Vô điều kiện | | | | | | | | | Có điều kiện | | | |
| * Điều kiện truy đòi bảo lãnh (nếu có).............................................................................................. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Giá trị bảo lãnh | | | | ........................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Nghĩa vụ được bảo lãnh | | | | | | | ........................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Thời hạn bảo lãnh | | | | | ............................ | | | | | | Phù hợp | | | | | | | Không phù hợp th.hạn cấp tín dụng | | | | | | | | | | | | |
| * 1. ***Bảo đảm bằng tài sản*** | | | | | Tài sản của KH vay | | | | | | Tài sản của bên thứ ba.  Mối quan hệ với KH vay: …............................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * + 1. Thông tin về tài sản | | | | |  | | | | | |  | | | | | | | |  | | | | | | | | | | |
| * Loại tài sản: | QSD đất; tài sản gắn liền với đất | | | | | | | | | | | | | | Cụ thể: ..................................................... | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phương tiện vận tải | | | | | | | | | | | | | | Cụ thể: ..................................................... | | | | | | | | | | | | | | | |
| Máy móc thiết bị | | | | | | | | | | | | | | Cụ thể …….............................…………. | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hàng hoá | | | | | | | | | | | | | | Cụ thể …...............................……………. | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ngoại tệ bằng TM, số dư TKTG, sổ/thẻ TK, GTCG tại Ngân hàng khác/ hoặc do Ngân hàng khác phát hành | | | | | | | | | | | | | | Cụ thể …...............................…………….  ................................................................ | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tài sản khác | | | | | | | | | | | | | | Cụ thể: ..................................................... | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Nguồn gốc tài sản | Tài sản đã hình thành và thuộc sở hữu của bên bảo đảm | | | | | | | | | | Tài sản hình thành từ vốn vay | | | | | | | | Tài sản hình thành trong tương lai, không phải từ vốn vay | | | | | | | | | | | |
| * Đặc điểm của tài sản (*chi tiết về chủng loại, đặc tính của tài sản, Tổ chức phát hành, quản lý đối với Số dư TKTG, Sổ/thẻ TK, GTCG…*):   **Tài sản 1:** {ten\_tsbd1} theo {hoso\_tsbd1}   * **Thửa đất** * Thửa đất số: {sothuadat\_tsbd1}; Tờ bản đồ số: {tobando\_tsbd1} * Diện tích: {dientichdat\_tsbd1} m2 (Bằng chữ: {dientichdatbangchu\_tsbd1}) * Loại đất: {loaidat\_tsbd1} * Thời hạn sử dụng: {thoihansudungdat\_tsbd1} * Hình thức sử dụng: {hinhthucsudungdat\_tsbd1} * Địa chỉ: {diachi\_tsbd1} * Nguồn gốc sử dụng đất: {nguongoc\_tsbd1} * Ghi chú: {ghichu\_tsbd1} * Sơ đồ thửa đất (hướng, kích thước, hình dáng, các mặt tiếp giáp…): {sodothuadat\_tsbd1} * Thông tin quy hoạch: {thongtinquyhoach\_tsbd1} * Thông tin tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, kê biên…: {thongtintranhchap\_tsbd1} * Hạn chế tài sản: {hanche\_tsbd1} * Các đặc điểm hiện trạng, thông tin khác: {hientrangkhac\_tsbd1} * Qua thẩm định, ghi nhận sự phù hợp giữa hiện trạng thực tế TSBĐ và hồ sơ pháp lý:   ❑Có  ❑Không. Cụ thể: {noidungkhongphuhopphaply\_tsbd1}   * Phân tích về vị trí: {phantichvitri\_tsbd1} * Phân tích thông tin về sử dụng tài sản: {phantichsudung\_tsbd1} * **Tài sản gắn liền với đất** * Loại nhà ở: {loainhao\_tsbd1} * Diện tích xây dựng: {dientichxd\_tsbd1} m2 * Diện tích sàn: {dientichsan\_tsbd1} m2 * Hình thức sở hữu: {hinhthucsohuu\_tsbd1} * Cấp (Hạng): {capnhao\_tsbd1} * Thời hạn sở hữu: {thoihansohuu\_tsbd1}   **Tài sản 2:** {ten\_tsbd2} theo {hoso\_tsbd2}   * **Thửa đất** * Thửa đất số: {sothuadat\_tsbd2}; Tờ bản đồ số: {tobando\_tsbd2} * Diện tích: {dientichdat\_tsbd2} m2 (Bằng chữ: {dientichdatbangchu\_tsbd2}) * Loại đất: {loaidat\_tsbd2} * Thời hạn sử dụng: {thoihansudungdat\_tsbd2} * Hình thức sử dụng: {hinhthucsudungdat\_tsbd2} * Địa chỉ: {diachi\_tsbd2} * Nguồn gốc sử dụng đất: {nguongoc\_tsbd2} * Ghi chú: {ghichu\_tsbd2} * Sơ đồ thửa đất (hướng, kích thước, hình dáng, các mặt tiếp giáp…): {sodothuadat\_tsbd2} * Thông tin quy hoạch: {thongtinquyhoach\_tsbd2} * Thông tin tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, kê biên…: {thongtintranhchap\_tsbd2} * Hạn chế tài sản: {hanche\_tsbd2} * Các đặc điểm hiện trạng, thông tin khác: {hientrangkhac\_tsbd2} * Qua thẩm định, ghi nhận sự phù hợp giữa hiện trạng thực tế TSBĐ và hồ sơ pháp lý:   ❑Có  ❑Không. Cụ thể: {noidungkhongphuhopphaply\_tsbd2}   * Phân tích về vị trí: {phantichvitri\_tsbd2} * Phân tích thông tin về sử dụng tài sản: {phantichsudung\_tsbd2} * **Tài sản gắn liền với đất** * Loại nhà ở: {loainhao\_tsbd2} * Diện tích xây dựng: {dientichxd\_tsbd2} m2 * Diện tích sàn: {dientichsan\_tsbd2} m2 * Hình thức sở hữu: {hinhthucsohuu\_tsbd2} * Cấp (Hạng): {capnhao\_tsbd2} * Thời hạn sở hữu: {thoihansohuu\_tsbd2}   **Tài sản 3:** {ten\_tsbd3} theo {hoso\_tsbd3}   * **Thửa đất** * Thửa đất số: {sothuadat\_tsbd3}; Tờ bản đồ số: {tobando\_tsbd3} * Diện tích: {dientichdat\_tsbd3} m2 (Bằng chữ: {dientichdatbangchu\_tsbd3}) * Loại đất: {loaidat\_tsbd3} * Thời hạn sử dụng: {thoihansudungdat\_tsbd3} * Hình thức sử dụng: {hinhthucsudungdat\_tsbd3} * Địa chỉ: {diachi\_tsbd3} * Nguồn gốc sử dụng đất: {nguongoc\_tsbd3} * Ghi chú: {ghichu\_tsbd3} * Sơ đồ thửa đất (hướng, kích thước, hình dáng, các mặt tiếp giáp…): {sodothuadat\_tsbd3} * Thông tin quy hoạch: {thongtinquyhoach\_tsbd3} * Thông tin tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, kê biên…: {thongtintranhchap\_tsbd3} * Hạn chế tài sản: {hanche\_tsbd3} * Các đặc điểm hiện trạng, thông tin khác: {hientrangkhac\_tsbd3} * Qua thẩm định, ghi nhận sự phù hợp giữa hiện trạng thực tế TSBĐ và hồ sơ pháp lý:   ❑Có  ❑Không. Cụ thể: {noidungkhongphuhopphaply\_tsbd3}   * Phân tích về vị trí: {phantichvitri\_tsbd3} * Phân tích thông tin về sử dụng tài sản: {phantichsudung\_tsbd3} * **Tài sản gắn liền với đất** * Loại nhà ở: {loainhao\_tsbd3} * Diện tích xây dựng: {dientichxd\_tsbd3} m2 * Diện tích sàn: {dientichsan\_tsbd3} m2 * Hình thức sở hữu: {hinhthucsohuu\_tsbd3} * Cấp (Hạng): {capnhao\_tsbd3} * Thời hạn sở hữu: {thoihansohuu\_tsbd3} | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * + 1. Hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm *(ghi rõ các giấy tờ liên quan đến tài sản)*: * {hoso\_tsbd1} * {hoso\_tsbd2} * {hoso\_tsbd3} | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Giấy tờ liên quan đến tài sản có đầy đủ không? | | | | | | | | | | | | Đầy đủ | | | | | | | | | | | | Còn thiếu, hồ sơ còn thiếu.................. | | | | | | |
| * Tính pháp lý của hồ sơ tài sản | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | | | | Không, lý do…… | | | | | | |
| * Các ghi chú, lưu ý của hồ sơ TSBĐ (nếu có) | | | | | | | | | | | | Có, cụ thể:………  Đánh giá ảnh hưởng của nội dung này đến việc nhận TSBĐ | | | | | | | | | | | | Không | | | | | | |
| * Tính xác thực của GCN quyền sở hữu và/hoặc các giấy tờ có liên quan tới TSBĐ;   Tài sản đã được xác thực, phong toả tại TCPH *(đối với TSBĐ là sổ, thẻ TK, GTCG)* | | | | | | | | | | | | Có, TCPH là …. | | | | | | | | | | | | Không, lý do........ | | | | | | |
| * Thông tin về tài sản trên hồ sơ pháp lý của tài sản có khác biệt so với tài sản thực tế không? | | | | | | | | | | | | Có, cụ thể: | | | | | | | | | | | | Không | | | | | | |
| * + 1. Kết quả thẩm định điều kiện nhận Tài sản bảo đảm | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Tài sản có thuộc danh mục TSBĐ được nhận theo quy định bảo đảm tiền vay hiện hành không? | | | | | | | | | | | | Có, Cấp có thẩm quyền: Chi nhánh | | | | | | | | | | | | | Không, lý do: ..................... | | | | | |
| * Tài sản có thuộc quyền sở hữu của bên BĐ không? (QSH tài sản/ quyền khai thác tài nguyên/ QSD đất) | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | | | | | Không, lý do: ...................... | | | | | |
| * Tài sản có thuộc loại được phép giao dịch/chuyển nhượng không? | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | | | | | Không, lý do: ..................... | | | | | |
| * Tài sản có thuộc diện bị quy hoạch, giải toả *(đối với bất động sản)?* | | | | | | | | | | | | Có, cụ thể…. | | | | | | | | | | | | | Không | | | | | |
| * Tài sản hiện có tranh chấp không? | | | | | | | | | | | | Có, Cụ thể ................ | | | | | | | | | | | | | Không | | | | | |
| * Tài sản có bị kê biên để đảm bảo thi hành án không? | | | | | | | | | | | | Có, cụ thể | | | | | | | | | | | | | Không | | | | | |
| * NHCTD có khả năng quản lý TSBĐ không? *(đánh giá cụ thể tại mục 3 Tờ trình)* | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | | | | | Không | | | | | |
| * Tài sản có dễ bán/chuyển nhượng không? | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | | | | | Không, lý do:  …………. .... | | | | | |
| * Tài sản có thuộc loại phải mua bảo hiểm không? *(trường hợp TS đã được mua bảo hiểm, đánh giá thêm uy tín và năng lực của tổ chức bảo hiểm)* | | | | | | | | | | | | Có, (loại bảo hiểm, giá trị bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm, người thụ hưởng/đơn vị thụ hưởng, thời hạn bảo hiểm):............ | | | | | | | | | | | | | Không | | | | | |
| * Tài sản có đang được cầm cố/thế chấp tại TCTD khác không? TCTD khác đã đăng ký BPBĐ đối với Tài sản chưa? *(giấy tờ xác minh kèm theo số…ngày…)* | | | | | | | | | | | | Có, Tại TCTD.........…..  - Loại tài sản đăng ký:......…  - Khối lượng, giá trị, *(TSBĐ là hàng hoá):...*.……............ | | | | | | | | | | | | | Không | | | | | |
| * Đối với SDTG, Sổ/thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do TCTD khác phát hành, tổ chức phát hành còn giới hạn nhận bảo đảm tại NHCT không? | | | | | | | | | | | | Còn | | | | | | | | | | | | | Không | | | | | |
| * Thời hạn sử dụng còn lại của TSBĐ | | | | | | | | | | | | **Tài sản 1:** {thoihansudungdat\_tsbd1}  **Tài sản 2:** {thoihansudungdat\_tsbd2}  **Tài sản 3:** {thoihansudungdat\_tsbd3} | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Thời hạn còn lại của tài sản có dài hơn thời hạn cấp tín dụng không? | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | | | | | Không, cụ thể…. | | | | | |
| * Khả năng thu hồi nợ trong trường hợp phải xử lý tài sản | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | | | | | Không, cụ thể…... | | | | | |
| * Đánh giá mức độ đặc thù của tài sản (nếu có) và đánh giá mức độ rủi ro khi nhận tài sản:…………….. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Đánh giá tính thanh khoản của tài sản bảo đảm trên thị trường: …………………………………………. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Đối với TSBĐ là bất động sản, đã có giao dịch thành công nào đối với bất động sản có đặc điểm, vị trí tương tự chưa? | | | | | | | | | | | | Có, cụ thể…. | | | | | | | | | | | | | Không | | | | | |
| * Đánh giá các yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến việc xử lý TSBĐ của NHCT (nếu có): ........................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Đánh giá khác *(nếu có):………………………………………………………………………………………………* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * + 1. **Kết quả định giá tài sản bảo đảm:** theo xác nhận của Tổ chức phát hành (đối với Sổ/ thẻ tiết kiệm, GTCG) hoặc theo Biên bản định giá TSBĐ | | | | | | | | | | | | | | | | **{tonggiatri\_tsbd\_bangso | number} đồng** | | | | | | | | | | | | | | |
| * Giá trị mức cấp tín dụng tối đa so với giá trị TSBĐ | | | | | | **{tong\_mucctdtoida\_bangdgts | number} đồng** | | | | | | | | | | {tong\_tyleBOA\_bangdgts | number:2}% giá trị định giá | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **Đánh giá khả năng giám sát, biện pháp quản lý tài sản bảo đảm và phương án đề xuất để hạn chế rủi ro khi nhận tài sản bảo đảm** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ***Tần suất kiểm tra TSBĐ của Chi nhánh:*** *Tối thiểu**12 tháng/lần* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * 1. **Đối với hàng hóa** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * + 1. ***Kho hàng*** | | | Kho của NHCTD | | | | | | | | | Kho của Khách hàng | | | | | | | | | | | Kho của bên thứ ba | | | | | | | |
| * Vị trí kho hàng............................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - Được xây dựng ở nơi cao ráo, không bị ngập hoặc đọng nước, thuận tiện về giao thông? | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | Không, cụ thể............ | | | | | | | | | | |
| * Có kho riêng chứa hàng hoá thế chấp có khoá? HH nhận bảo đảm có được để cách biệt với khu vực sản xuất, các loại HH khác? | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | Không, cụ thể............... | | | | | | | | | | |
| * Cơ sở vật chất, trang thiết bị kho có đáp ứng điều kiện bảo quản hàng hoá theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất không? | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | Không, cụ thể............ | | | | | | | | | | |
| - Đủ độ rộng, độ cao cần thiết để hàng hoá được sắp xếp khoa học dễ kiểm đếm; | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | Không, cụ thể............. | | | | | | | | | | |
| * Có hệ thống trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | Không, cụ thể........... | | | | | | | | | | |
| * Chi nhánh đánh giá bổ sung các điểu kiện của kho hàng đối với từng loại hàng hoá cụ thể theo quy định về điều kiện kho hàng hiện hành của NHCT | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | Không, cụ thể………… | | | | | | | | | | |
| * Kho hàng có được mua bảo hiểm không *(nếu có)*? | | | | | | | | | | | | Có, cụ thể..................... | | | | | | | | Không | | | | | | | | | | |
| * + 1. ***Bên trông giữ kho hàng*** | | | | | | | | Cán bộ NHCTD | | | | KH tự trông giữ | | | | | | | Thuê bên thứ ba, (*nếu có thì đánh giá tiếp các nội dung sau)* | | | | | | | | | | | |
| * Có thuộc lĩnh vực kinh doanh của bên thứ ba? | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | | | | | | | | Không | | |
| * Đội ngũ nhân viên của bên thứ ba có chuyên nghiệp, uy tín không? | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | | | | | | | | Không | | |
| * Bên thứ ba trông giữ kho hàng có quan hệ với bên bảo đảm không? | | | | | | | | | | | | Có, cụ thể….. | | | | | | | | | | | | | | | | Không | | |
| * Bên thứ ba có phải là đơn vị đang cung cấp dịch vụ bảo vệ cho bên bảo đảm không? | | | | | | | | | | | | Có. cụ thể…. | | | | | | | | | | | | | | | | Không | | |
| - Phương pháp kiểm tra giám sát bên trông giữ kho hàng: | | | | | | | | | | | | Thông qua báo cáo của người trông giữ hàng hoá | | | | | | | | | | | | | | | | Trực tiếp kiểm tra | | |
| * Thời gian trông giữ hàng hóa: ................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Các đánh giá khác (nếu có): …………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * 1. **Đối với số dư tài khoản tiền gửi, sổ/thẻ Tiết kiệm, giấy tờ có giá:**  |  |  |  | | --- | --- | --- | | * TSBĐ do NHCT quản lý/ phát hành, hình thức phong tỏa: | Tự động | Thủ công |  * TSBĐ do Tổ chức khác quản lý/phát hành: Chi nhánh thực hiện kiểm tra, xác thực tại Tổ chức quản lý/phát hành và lấy ý kiến xác nhận bằng văn bản của người có thẩm quyền tại Tổ chức quản lý/phát hành TSBĐ đó. * Tổ chức phát hành/quản lý là:……………………………………………………………………….. * Nội dung lấy ý kiến (xác thực/ phong tỏa/ tạm dừng việc chuyển quyền sở hữu dưới các hình thức mua, bán, cho, tặng, trao đổi, thừa kế, thanh toán và cầm cố TSBĐ…):………………................... * Nội dung đánh giá khác:……………………………………………………………………….......... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * 1. **Đối với PTGT, quyền đòi nợ, quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng, quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên, phần vốn góp…:** Chi nhánh gửi công văn thông báo về việc nhận TSBĐ đến cơ quan chức năng và/hoặc bên có nghĩa vụ liên quan. Cụ thể Cơ quan chức năng và/hoặc bên có nghĩa vụ liên quan là……… * Nội dung đánh giá khác:……………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * 1. **Đối với các tài sản khác**:…………. *(trường hợp không quản lý được, nêu rõ lý do)* : ................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * 1. **Kết luận** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Có đủ điều kiện nhận bảo đảm hay không? | | | | | | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | | Không | | | |
| * Chi nhánh có thể quản lý được tài sản | | | | | | | | | | | | | | | | | Có | | | | | | | | | | Không | | | |
| * Cấp thẩm quyền quyết định | | | | | | | | | | | | | | | | | Chi nhánh | | | | | | | | | | Trụ sở chính | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * Giá trị tài sản bảo đảm | **{tonggiatri\_tsbd\_bangso | number} đồng** | |
| * Giá trị mức cấp tín dụng tối đa so với giá trị TSBĐ | **{tong\_mucctdtoida\_bangdgts | number} đồng** | Tương đương {tong\_tyleBOA\_bangdgts | number:2}% giá trị định giá |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| * 1. **Đề xuất** | | | |
| * Có nhận bảo đảm là……………. làm cơ sở cấp GHTD/ Khoản tín dụng? | Nhận bảo đảm bổ sung | Nhận bảo đảm | Không nhận bảo đảm. |
| * Áp dụng biện pháp bảo đảm | Bảo lãnh | Cầm cố | Thế chấp |
| * Giá trị tài sản bảo đảm | **{tonggiatri\_tsbd\_bangso | number} đồng** | | |
| * Giá trị TSBĐ hạch toán trên hệ thống | **{tonggiatri\_tsbd\_bangso | number} đồng** | | |
| * Giá trị mức cấp tín dụng tối đa so với giá trị TSBĐ | **{tong\_mucctdtoida\_bangdgts | number} đồng** | Tương đương {tong\_tyleBOA\_bangdgts | number:2}% giá trị định giá | |
| * **Chi tiết Giá trị định giá:**  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Giấy chứng nhận tài sản** | **Số thửa đất** | **Hạng mục** | **Diện tích (m²)** | **Đơn giá (đồng/m²)** | **CLCL** | **Thành tiền (đông)** | **Thành tiền làm tròn (đồng)** | **Căn cứ định giá** | | **{#bang\_giatri\_dinhgia}**{gcnts\_bangdgts} | {sothuadat\_bangdgts} | {hangmuc\_bangdgts} | {dientich\_bangdgts | numflex} | {dongia\_bangdgts | number} | {clcl\_bangdgts} | {thanhtien\_bangdgts | number} | {thanhtienlamtron\_bangdgts | number} | {cancudinhgia\_bangdgts}**{/bang\_giatri\_dinhgia}** | | **Tổng** | | | | | | **{tong\_thanhtien\_bangdgts | number}** | **{tong\_thanhtienlamtron\_bangdgts | number}** |  |  * **Chi tiết Giá trị mức cấp tín dụng tối đa so với giá trị TSBĐ:**  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Giấy chứng nhận tài sản** | **Thành tiền làm tròn (đồng)** | **Mức cấp tín dụng tối đa (đồng)** | **Tỷ lệ BOA** | | **{#bang\_giatri\_dinhgia}**{gcnts\_bangdgts} | {thanhtienlamtron\_bangdgts | number} | {mucctdtoida\_bangdgts | number} | {tyleboa\_bangdgts | number:2}%**{/bang\_giatri\_dinhgia}** | | **Tổng** | **{tong\_thanhtien\_bangdgts | number}** | **{tong\_mucctdtoida\_bangdgts | number}** | **{tong\_tyleBOA\_bangdgts | number:2}%** | | | | |
| * Điều kiện kèm theo khi nhận bảo đảm |  | | |
| * Điều kiện đưa vào HĐTD, HĐBĐ: | ........................................................................................... | | |
| * Điều kiện khác (nếu có): | ........................................................................................... | | |
| * Các thủ tục sẽ thực hiện tiếp theo *(ghi rõ công chứng HĐBĐ, đăng ký GDBĐ, gửi công văn thông báo, ký HĐ thuê kho, thuê bên thứ ba, mua bảo hiểm của…, ….)* | công chứng HĐBĐ, đăng ký GDBĐ | | |
| ***Chúng tôi xin cam đoan đã tập hợp, thẩm định đầy đủ thông tin dựa trên hồ sơ bảo đảm, những chi tiết, thông tin về bên bảo đảm, khách hàng, tài sản bảo đảm trên đây. Các thông tin là trung thực và đúng thực tế.***  **Cán bộ đánh giá**  *(CB QHKH)*  *(Ký, ghi họ tên)* | | | |
| 1. **KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH** | | | |
| Sau khi thẩm định, đồng ý với các đánh giá và đề xuất của cán bộ QHKH.  Sau khi thẩm định, không đồng ý với đánh giá và đề xuất của Cán bộ QHKH. Các nội dung không đồng ý và lý do như sau:…………………………………………………………………………………  Ý kiến/điều kiện khác (nếu có):……………………………………………………………………….  **Người thẩm định**  (CB QHKH, Lãnh đạo PBL/PGD)  *(Ký, ghi họ tên)* | | | |
| 1. **QUYẾT ĐỊNH CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN TẠI CHI NHÁNH** | | | |
| Không đồng ý quyết định nhận bảo đảm, lý do:……………………………………  Đồng ý quyết định nhận bảo đảm   * Nội dung phê duyệt: Đồng ý toàn bộ theo nội dung đề xuất của PGD/PKH.   Ý kiến/điều kiện khác (nếu có):………………………………………………………………………..  *…………., ngày….. tháng…..năm……*  **Cấp có thẩm quyền**  *(Ký, đóng dấu họ tên)* | | | |